TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ T,** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2022/DS-ST
Ngày: 29-6-2022
Về việc: *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH LONG AN

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Kiều Trinh.
Các Hội thẩm nhân dân:
Bà Lê Thị Kim Uyên.
Bà Mai Thị Kim Hương.

- ***Thư ký phiên tòa***: bà Võ Thị Thùy Trang – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Long An.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Long An tham gia phiên tòa***: bà Nguyễn Hồng Vi – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Long An xét xử công khai vụ án thụ lý số 15/2022/TLST-DS ngày 19 tháng 01 năm 2022 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2022/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông **Nguyễn Trường P**, sinh năm 1980.
Địa chỉ: M Nguyễn Huỳnh Đ, khu phố Giồng D, phường Khánh H, thành phố T, tỉnh Long An.

- *Bị đơn*: Ông **Nguyễn Trung V**, sinh năm 1990.
Địa chỉ: S Châu Thị K, Phường B, thành phố T, tỉnh Long An.
(Ông P, ông V vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 30 tháng 12 năm 2021 của ông Nguyễn Trường P và các lời trình bày có trong hồ sơ có nội dung:

Do ông và ông Nguyễn Trung V quen biết nên ông có cho ông Nguyễn Trung V vay tiền nhiều lần, cụ thể:

- Ngày 16/3/2020, ông cho ông V vay số tiền là 50.000.000đ, hẹn 06 tháng sau sẽ trả.

- Ngày 02/4/2020, ông cho ông V vay số tiền là 20.000.000đ, hẹn 03 tháng sau sẽ trả.

Tổng cộng 02 lần vay là 70.000.000đ, khi vay các bên không thỏa thuận lãi suất cho vay. Tuy nhiên, khi đến hạn trả tiền thì ông V không trả tiền cho ông. Nay ông khởi kiện yêu cầu ông V trả cho ông số tiền gốc vay là 70.000.000đ, không yêu cầu tính lãi.

Ngày 30/5/2022, ông có đơn xin vắng mặt trong quá trình xét xử tại Tòa án.

Bị đơn, ông Nguyễn Trung V vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng tại Tòa án.

Ông Nguyễn Trung V đã được Tòa án thực hiện việc niêm yết, tống đạt giấy triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông V không đến tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; phiên hòa giải do Tòa án tổ chức; không có văn bản thể hiện ý kiến của ông V đối với yêu cầu khởi kiện của ông P. Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm, ông V cũng vắng mặt dù đã được triệu tập hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu:

- Về tố tụng: Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng chấp hành đúng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: xét thấy yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Trường P là có căn cứ nên đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đề nghị giải quyết các vấn đề khác theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: ông Nguyễn Trường P khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản với ông Nguyễn Trung V có địa chỉ cư trú tại thành phố T nên căn cứ vào Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Long An.

[2] Về việc xét xử vắng mặt Nguyên đơn là ông Nguyễn Trường P, Bị đơn là ông Nguyễn Trung V: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện việc niêm yết, tống đạt Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Biên bản phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập ông V đến các phiên tòa sơ thẩm nhưng ông V không chấp hành. Riêng ông Nguyễn Trường P là Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt là phù hợp theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy phiên tòa hôm nay dù vắng mặt các đương sự nêu trên nhưng Tòa án đã tiến hành đầy đủ thủ tục tố tụng nên việc xét xử vắng mặt đương sự này là đúng theo quy định tại Điều 227, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[3] Về hợp đồng vay tài sản: theo lời trình bày của ông Nguyễn Trường P vào ngày 16/3/2020, ông có cho ông Nguyễn Trung V vay số tiền là 70.000.000đ, không thỏa thuận lãi suất, hẹn trả sau 06 tháng kể từ ngày vay; Ngày 02/4/2020, ông cho ông V vay thêm 20.000.000đ, không thỏa thuận lãi suất, hẹn trả sau 03 tháng kể từ ngày vay. Tuy nhiên, từ khi hết thời hạn vay cho đến nay thì ông V vẫn chưa trả tiền nên ông P khởi kiện yêu cầu ông Việt trả số tiền 02 lần vay là 70.000.000đ. Kèm theo lời trình bày của mình, ông P cung cấp cho Tòa án 02 "Giấy mượn tiền" ngày 16/3/2020 và ngày 02/4/2020 có chữ ký và chữ

viết tên Nguyễn Trung V. Hội đồng xét xử xét thấy, căn cứ vào nội dung 02 "Giấy mượn tiền" 16/3/2020 và ngày 02/4/2020 có chữ ký và chữ viết tên Nguyễn Trung V thì đủ cơ sở để xác định ông V có vay ông P tổng số tiền là 70.000.000đ, không có lãi suất vay và có thời hạn vay. Ông V được tòa án triệu tập hợp lệ, biết được việc ông P khởi kiện yêu cầu ông trả số tiền đã vay nhưng ông V không có ý kiến gì đối với khoản tiền vay này nên việc ông P khởi kiện yêu cầu ông V trả số tiền 70.000.000đ là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự.

[4] Về phương thức thanh toán: Ông Nguyễn Trường P yêu cầu ông Nguyễn Trung V có nghĩa vụ trả tiền vay, ông V không có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử xét thấy cần buộc ông V trả cho ông P số tiền trên sau khi có bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

[5] Về lãi suất cho vay: Căn cứ 02 "Giấy mượn tiền" ngày 16/3/2020 và ngày 02/4/2020 không có thỏa thuận lãi suất vay tiền và ông P là người khởi kiện không yêu cầu Tòa án xem xét tính lãi suất cho vay nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Hội đồng xét xử xét thấy, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T tham gia phiên tòa phát biểu về việc tuân theo pháp luật và quan điểm giải quyết vụ án trên là có căn cứ theo quy định của pháp luật.

[7] Về chi phí xác minh, thu thập chứng cứ: ông Nguyễn Trung V phải chịu 500.000đ tiền chi phí xác minh, thu thập chứng cứ. Ông Nguyễn Trường P đã tạm ứng nên buộc ông Việt phải hoàn lại cho ông Phương số tiền 500.000đ.

[7] Về án phí: ông Nguyễn Trung V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.500.000đ theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Ông Nguyễn Trường P được nhận lại số tiền tạm ứng án phí là 1.750.000đ do yêu cầu khởi kiện của ông được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 217, Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 463; Điều 466; Điều 357 Bộ luật dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Trường P về việc yêu cầu ông Nguyễn Trung V trả cho ông số tiền vay là 70.000.000đ.

Buộc ông Nguyễn Trung V trả cho ông Nguyễn Trường P số tiền vay là 70.000.000đ.

2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi thực hiện nghĩa vụ do chậm trả tiền theo quy

định tại Khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian còn phải thi hành.

3. Về chi phí xác minh, thu thập chứng cứ: ông Nguyễn Trung V phải hoàn trả cho ông Nguyễn Trường P 500.000đ.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: ông Nguyễn Trung V phải chịu 3.500.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Trường P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Ông Nguyễn Trường P được nhận lại số tiền 1.750.000đ theo biên lai thu số 0001293 ngày 18/01/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tân An, tỉnh Long An.

4. Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:**
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND tp. T;
- Chi cục THA tp. T;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thị Kiều Trinh